

Tân Bình, ngày 02 tháng 4 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị
dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Trường Tiểu học Sơn Cang công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 1 năm 2025 như sau:

ĐV tính: Triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	15.144,96	1.944,14	12,8%	126,9%
I	Nguồn ngân sách trong nước	15.144,96	1.944,14	12,8%	126,9%
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	15.144,96	1.944,14	12,8%	126,9%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	14.235,52	1.942,79	13,6%	126,8%
	Nguồn 13	8.377,88	1.942,79	23,2%	151,7%
	Nguồn 14	5.857,63	0,00	0,0%	0,0%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	909,45	1,35	0,1%	817,6%
	Nguồn 12	518,15	1,35	0,3%	817,6%
	Nguồn 18	391,30	0,00	0,0%	0,0%

KẾ TOÁN



Tiêu Thị Xuân Lan

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Phúc

CÔNG KHAI
THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
QUÝ 1 NĂM 2025

A. Dự toán giao :

- Kinh phí thực hiện tự chủ/kinh phí thường xuyên (nguồn 12)	:	8.377,88	triệu đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	3,25	triệu đồng
+ Giao đầu năm	:	8.374,63	triệu đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		triệu đồng
- Kinh phí thực hiện cải cách tiền lương, Nghị Quyết 03 (nguồn 14)	:	5.857,63	triệu đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	406,76	triệu đồng
+ Giao đầu năm	:	5.450,87	triệu đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		triệu đồng
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không thường xuyên (nguồn 12)	:	909,45	triệu đồng
+ Năm trước chuyển sang	:	-	triệu đồng
+ Giao đầu năm	:	909,45	triệu đồng
+ Điều chỉnh trong năm	:		triệu đồng

B. Tình hình thực hiện dự toán chi NSNN Quý 1 **1.944,14 triệu đồng**

I. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 12) **:** **1.942,79 triệu đồng**

- Lương	:	1.021,27	triệu đồng
- Phụ cấp	:	511,95	triệu đồng
- Các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ	:	272,19	triệu đồng
- Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	:	80,12	triệu đồng
- Dịch vụ công cộng	:	19,87	triệu đồng
- Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	:	6,18	triệu đồng
- Công tác phí	:	3,00	triệu đồng
- Chi phí thuê mướn	:	21,84	triệu đồng
- Chi hoạt động chuyên môn	:	6,38	triệu đồng

II. Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ (nguồn 14) **:** **- triệu đồng**

- Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết 03/2018/NQ-HĐND	:		triệu đồng
- Chi chênh lệch lương do tăng mức lương cơ bản theo quy định	:		triệu đồng
- Chi chênh lệch phụ cấp lương do tăng mức lương cơ bản theo quy định	:		triệu đồng
- Chi chênh lệch các khoản đóng góp BHXH, BHYT, KPCĐ do tăng mức lương cơ bản theo quy định	:		triệu đồng

III. Kinh phí không thực hiện tự chủ (nguồn 12) **:** **1,35 triệu đồng**

- Phụ cấp thâm niên	:	-	triệu đồng
- Chi khác, KP tết nguyên đán	:		triệu đồng
- Thuê đào tạo lại cán bộ	:		triệu đồng
- Các khoản hỗ trợ nhân viên y tế	:	1,35	triệu đồng

Đánh giá :

- Tổng chi NSNN Quý 1 là : 1.944,14 triệu đồng, đạt 12,84% dự toán năm và 126,9% so với cùng kỳ năm trước .

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 12) Quý 1 là : 1.942,79 triệu đồng, đạt 23,2%

DT năm và 151,7% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

+ Do tăng mức lương cơ sở.

- Kinh phí thực hiện tự chủ/TX (nguồn 14) Quý 1 là :

0,00 triệu đồng, đạt 0,0%

DT năm và 0% so với cùng kỳ năm trước. Nguyên nhân :

+ Do chưa chi thu nhập tăng thêm từ NQ 08

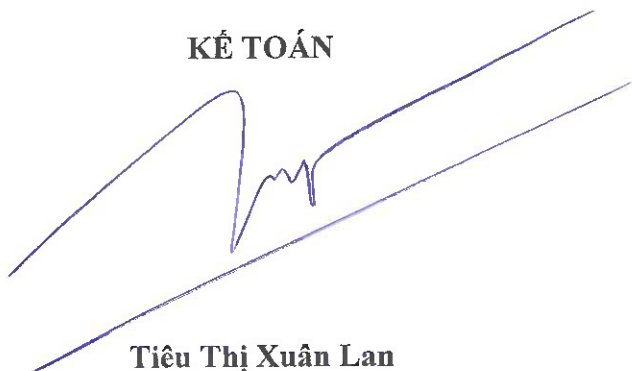
- Kinh phí không thực hiện tự chủ/không TX (nguồn 12) Quý 1 là :

1,35 triệu đồng, đạt 0,3%

so với dự toán năm .

Tân Bình, ngày 02 tháng 4 năm 2024

KÊ TOÁN

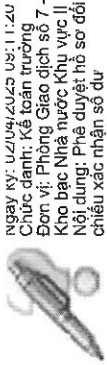


Tiêu Thị Xuân Lan

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Hồng Phúc



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Sơn Cang

Mã ĐVQHNS: 1038057

Mã cấp NS: 2

Ngày ký: 02/04/2025 08:11:20
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 -
Kho bạc Nhà nước Khu vực II
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư

Mẫu số 20a

Ký hiệu: 01a-SDKP/ĐVDT

BẢNG ĐỐI CHIẾU DỰ TOÁN KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2025

Mã nguồn NSNN kinh tế	Mã ngành	Mã CTMT, DA	DT năm trước chuyển sang	Dự toán giao đầu năm	DT năm nay		DT được sử dụng trong năm	DT đã sử dụng		DT đã Cam kết chi		DT giữ lại	DT còn lại
					Trong kỳ	Lũy kế đến kỳ báo cáo		Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo		
A	B	C	1	2	3	4	5=1+4	6	7	8	9	10	11=5-7-9
12	072	00000	0	518.155.000	518.155.000	518.155.000	518.155.000	1.350.000	1.350.000	0	0	0	516.805.000
13	072	00000	3.254.606	8.374.630.000	8.374.630.000	8.374.630.000	8.377.884.606	1.942.791.356	1.942.791.356	0	0	0	6.435.093.250
14	072	00000	406.757.716	5.450.873.000	5.450.873.000	5.450.873.000	5.857.630.716	0	0	0	0	0	5.857.630.716
18	072	00000	0	391.295.000	391.295.000	391.295.000	391.295.000	0	0	0	0	0	391.295.000
Cộng:			410.012.322	14.734.953.000	14.734.953.000	14.734.953.000	15.144.965.322	1.944.141.356	1.944.141.356	0	0	0	13.200.823.966
Phần KBNN ghi:													

Ghi chú: KBNN chi ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Hoàng Ngọc Phượng

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 09/03/2023 09:11:29
Số chứng chỉ: 00000000000000000000
Đơn vị: Phòng Giáo dục và Đào tạo - Khu vực Nhà nước Khu vực II

Vũ Thị Thắm

Người ký: Tiêu Thị Xuân Lan
Ngày ký: 02/02/2023 09:14:41
Số chứng chỉ: 00000000000000000000
Đơn vị: Trường Tiểu học Sơn Công

Tiêu Thị Xuân Lan

Người ký: Nguyễn Hồng Phúc
Ngày ký: 02/02/2023 08:14:41
Số chứng chỉ: 00000000000000000000
Đơn vị: Trường Tiểu học Sơn Công

Nguyễn Hồng Phúc

Ngày ký: 02/04/2025 09:11:33
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Giao dịch số 7 -
Khu vực Nhà nước Khu vực II
Nội dung: Phê duyệt hồ sơ đối
chiếu xác nhận số dư



Mã chương: 622

Đơn vị: Trường Tiểu học Sơn Cang

Mã ĐVQHNS: 1038057

Mã cấp NS: 2

Mẫu số 20c

Ký hiệu: 02a-SDKP/ĐV/PT

BẢNG ĐỐI CHIẾU TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ NGÂN SÁCH BẢNG HÌNH THỨC RÚT DỰ TOÁN TẠI KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Tháng 1 đến tháng 3 Năm 2025

Nội dung	Mục lục NSNN				Tạm ứng		Thực chi		Tổng	
	Mã nguồn NSNN	Mã ngành kinh tế	Mã NDKT	Mã CTMT, DA	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo	Phát sinh trong kỳ	Số dư đến kỳ báo cáo
A	B	C	D	E	1	2	3	4	5=1+3	6=2+4
Chi khác	12	072	6449	00000	1.350.000	1.350.000	0	0	1.350.000	1.350.000
Lương theo ngạch, bậc	13	072	6001	00000	965.106.099	965.106.099	0	0	965.106.099	965.106.099
Tiền công trả cho vị trí lao động thường xuyên theo hợp đồng	13	072	6051	00000	56.160.000	56.160.000	0	0	56.160.000	56.160.000
Phụ cấp chức vụ	13	072	6101	00000	16.146.000	16.146.000	0	0	16.146.000	16.146.000
Phụ cấp ưu đãi nghề	13	072	6112	00000	318.107.790	318.107.790	0	0	318.107.790	318.107.790
Phụ cấp trách nhiệm theo nghề, theo công việc	13	072	6113	00000	702.000	702.000	0	0	702.000	702.000
Phụ cấp thâm niên vượt khung; phụ cấp thâm niên nghề	13	072	6115	00000	176.568.435	176.568.435	0	0	176.568.435	176.568.435
Phụ cấp khác	13	072	6149	00000	424.710	424.710	0	0	424.710	424.710
Bảo hiểm xã hội	13	072	6301	00000	196.901.691	196.901.691	0	0	196.901.691	196.901.691
Bảo hiểm y tế	13	072	6302	00000	34.747.356	34.747.356	0	0	34.747.356	34.747.356
Kinh phí công đoàn	13	072	6303	00000	23.164.905	23.164.905	0	0	23.164.905	23.164.905
Bảo hiểm thất nghiệp	13	072	6304	00000	11.582.442	11.582.442	0	0	11.582.442	11.582.442
Các khoản đóng góp khác	13	072	6349	00000	5.791.226	5.791.226	0	0	5.791.226	5.791.226
Chi khác	13	072	6449	00000	80.119.800	80.119.800	0	0	80.119.800	80.119.800
Tiền nước	13	072	6502	00000	0	0	7.180.992	7.180.992	7.180.992	7.180.992
Khoản công tác phí	13	072	6704	00000	3.000.000	3.000.000	0	0	3.000.000	3.000.000

Thuế lao động trong nước	13	072	6757	00000	14.040.000	14.040.000	0	0	14.040.000	14.040.000
Chi phí thuế mướn khác	13	072	6799	00000	7.800.000	7.800.000	0	0	7.800.000	7.800.000
Tiền điện	13	072	6501	00000	0	0	9.591.139	9.591.139	9.591.139	9.591.139
Tiền vệ sinh, môi trường	13	072	6504	00000	0	0	3.100.000	3.100.000	3.100.000	3.100.000
Cước phí điện thoại (không bao gồm khoản điện thoại); thuế bao đường điện thoại; fax	13	072	6601	00000	0	0	178.771	178.771	178.771	178.771
Chi khác	13	072	7049	00000	0	0	5.468.000	5.468.000	5.468.000	5.468.000
Chi mua hàng hóa, vật tư	13	072	7001	00000	0	0	910.000	910.000	910.000	910.000
Phim ảnh, ấn phẩm truyền thông; sách, báo, tạp chí thư viện	13	072	6608	00000	0	0	6.000.000	6.000.000	6.000.000	6.000.000
Cộng:					1.911.712.454	1.911.712.454	32.428.902	32.428.902	1.944.141.356	1.944.141.356
Phần KBNN ghi:										

Ghi chú: KBNN chỉ ghi vào "Phần KBNN ghi" trong trường hợp có chênh lệch số liệu giữa đơn vị và KBNN và ghi cụ thể các thông tin về số liệu bị chênh lệch.

Ghi chú của KBNN:

KHO BẠC NHÀ NƯỚC

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán

Kế toán trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Hoàng Ngọc Phương

Người ký: Vũ Thị Thắm
Ngày ký: 02/04/2025 09:11:32
Chức danh: Kế toán trưởng
Đơn vị: Phòng Quản lý số 1 - Khoa Học Nhà nước - Khu vực II

Vũ Thị Thắm

ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH

Ngày 2 tháng 4 năm 2025

Kế toán trưởng

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên, đóng dấu)

Tiêu Thị Xuân Lan

Nguyễn Hồng Phúc

Người ký: Tiêu Thị Xuân Lan
Ngày ký: 02/04/2025 07:27:21
Đơn vị: Trường Tiểu học Sơn Công